**Đại học giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Điều kiện trúng tuyển phương thức ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định đặc thù của ĐHQGHN, mã phương thức: 500; mã tổ hợp xét tuyển: S50**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã**  **nhóm ngành** | **Tên nhóm**  **ngành/ngành** | **Tiêu chí trúng tuyển** |
| **I** | **Ưu tiên xét tuyển theo Quy định đặc thù của ĐHQGHN** | | |
| 1 | GD1 | Sư phạm Toán và  Khoa học tự nhiên, gồm 5 ngành:  - Sư phạm Toán học; Sư phạm Vật lí;  - Sư phạm Hoá học;  - Sư phạm Sinh học;  - Sư phạm Khoa học  tự nhiên | - Đạt giải **Nhất; Nhì**trong các kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh/Thành phố hoặc Olympic do ĐHQGHN tổ chức đúng môn chuyên (hoặc môn đạt giải thuộc tổ hợp tuyển và học lớp chuyên đúng môn chuyên).  - Trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên.  - Ba năm THPT đạt học lực Giỏi  - Ba năm THPT đạt hạnh kiểm Tốt.  - Tổng điểm 3 môn thi/bài thi theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng ĐBCL ĐV năm 2024 của nhóm ngành |
| 2 | GD2 | Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Lịch sử-Địa lí, gồm 3 ngành:  - Sư phạm Ngữ văn;  - Sư phạm Lịch sử;  - Sư phạm Lịch sử-Địa lí | - Đạt giải **Nhất** trong các kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh/Thành phố hoặc Olympic do ĐHQGHN tổ chức đúng môn chuyên.  - Trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên.  - Ba năm THPT đạt học lực Giỏi  - Ba năm THPT đạt hạnh kiểm Tốt.  - Tổng điểm 3 môn thi/bài thi theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng ĐBCL ĐV năm 2024 của nhóm ngành. |
| 3 | GD3 | Khoa học giáo dục và khác, gồm 6 ngành:  - Quản trị trường học;  - Quản trị chất lượng giáo dục;  - Quản trị Công nghệ giáo dục;  - Tham vấn học đường;  - Tâm lí học (chuyên ngành Tâm lí học lâm sàng trẻ em và vị thành niên);  - Khoa học giáo dục. | - Đạt giải **Nhất, Nhì, Ba** trong các kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh/Thành phố hoặc Olympic do ĐHQGHN tổ chức.  - Trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên.  - Ba năm THPT đạt học lực Giỏi  - Ba năm THPT đạt hạnh kiểm Tốt.  - Tổng điểm 3 môn thi/bài thi theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng ĐBCL ĐV năm 2024 của nhóm ngành. |
| 4 | GD4 | Giáo dục Tiểu học | - Đạt giải **Nhất** trong các kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh/Thành phố hoặc Olympic do ĐHQGHN tổ chức.  - Trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên.  - Ba năm THPT đạt học lực Giỏi  - Ba năm THPT đạt hạnh kiểm Tốt.  - Tổng điểm 3 môn thi/bài thi theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng ĐBCL ĐV năm 2024 của nhóm ngành. |
| 5 | GD5 | Giáo dục Mầm non | - Đạt giải **Nhất; Nhì; Ba** trong các kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh/Thành phố hoặc Olympic do ĐHQGHN tổ chức.  - Trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên.  - Ba năm THPT đạt học lực Giỏi  - Ba năm THPT đạt hạnh kiểm Tốt.  - Tổng điểm 3 môn thi/bài thi theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng ĐBCL ĐV năm 2024 của nhóm ngành. |
| **II** | **Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của Bộ GD&ĐT** | | |
| 1 | GD1 | Sư phạm Toán và  Khoa học tự nhiên, gồm 5 ngành:  - Sư phạm Toán học;  - Sư phạm Vật lí;  - Sư phạm Hoá học;   - Sư phạm Sinh học;  - Sư phạm Khoa học  tự nhiên | - Đạt giải **Khuyến khích trong kỳ thi HSG Quốc gia** đúng môn chuyên (hoặc môn đạt giải thuộc tổ hợp tuyển và học lớp chuyên đúng môn chuyên).  - Trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên.  - Ba năm THPT đạt học lực Giỏi  - Ba năm THPT đạt hạnh kiểm Tốt.  - Tổng điểm 3 môn thi/bài thi theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng ĐBCL ĐV năm 2024 của nhóm ngành |
| 2 | GD2 | Sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Lịch sử-Địa lí, gồm 3 ngành:  - Sư phạm Ngữ văn;  - Sư phạm Lịch sử;  - Sư phạm Lịch sử-Địa lí | - Đạt giải **Khuyến khích trong kỳ thi HSG Quốc gia** đúng môn chuyên.  - Trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên.  - Ba năm THPT đạt học lực Giỏi  - Ba năm THPT đạt hạnh kiểm Tốt.  - Tổng điểm 3 môn thi/bài thi theo tổ hợp xét tuyển đạt ngưỡng ĐBCL ĐV năm 2024 của nhóm ngành |